

HVAC

THÀNH VIÊN CỦA TẬP ĐOÀN KIỂM TOÁN QUỐC TẾ
EURA AUDIT INTERNATIONAL



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009
Kèm theo

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

CÔNG TY KIỂM TOÁN HÙNG VƯƠNG

Trụ sở chính : Số 808, CT5-ĐN2, Mỹ Đình II, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam
Tel: (84-4) 3787 1421 / 3787 1780 * Fax: (84-4) 3787 1422 * Hotline: 0914 375 380
E-mail: contact@hvac.com.vn * Website: www.hvac.com.vn

VP TP. Hồ Chí Minh: Số B22/20, Đường Bạch Đằng, Phường 02, Quận Tân Bình, TP. HCM
Tel: (84-8) 3547 1626 * Fax: (84-8) 3547 1636 * Hotline: 0989 436 688

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 – 3
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	4 – 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 – 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 – 28

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 92 – 94, Lý Tự Trọng, Phường Bến Thành, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 8 238 011

Fax: (84-8) 8 237 956

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2009 đã được kiểm toán.

KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam (dưới đây gọi tắt là: “Công ty”), là doanh nghiệp được chuyển đổi hình thức sở vốn từ doanh nghiệp Nhà nước: Công ty Nhựa Việt Nam, (số Đăng ký kinh doanh: 4106000201 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hồ Chí Minh Cấp ngày 28/06/2006) theo Quyết định số 2575/QĐ-BCN ngày 26 tháng 7 năm 2007 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Nhựa Việt Nam thành Tổng công ty cổ phần Nhựa Việt Nam và quyết định số 4824/QĐ-BCT ngày 4 tháng 9 năm 2008 của Bộ Công thương sửa đổi khoản 1 điều 1 Quyết định số 2575/QĐ-BCN. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số: 4103011383 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 09 năm 2008. Theo đó:

- Tên doanh nghiệp : CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM
- Tên giao dịch : VIETNAM PLASTIC CORPORATION
- Tên viết tắt : VINAPLAS CORP.
- Vốn Điều lệ : 198.000.000.000 đồng (Một trăm chín mươi tám tỷ đồng Việt Nam).
 - + Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng;
 - + Số cổ phần và giá trị cổ phần đã góp: 19.800.000 cổ phần, 198.000.000.000 đồng;
 - + Số cổ phần được quyền chào bán: 0 cổ phần.
- Vốn pháp định : 6.000.000.000 đồng (Sáu tỷ đồng Việt Nam).

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : Số 92 - 94, Lý Tự Trọng, Phường Bến Thành, Quận 1
Thành Phố Hồ Chí Minh.
Điện thoại : (84-8) 8 238 011
Fax : (84-8) 8 237 956
Mã số thuế : 0 3 0 0 3 8 1 9 6 6

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH

Sản xuất, mua bán các sản phẩm từ nhựa, gỗ, giấy, phục vụ cho các ngành công, nông, ngư nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng, bưu chính viễn thông, thiết bị giáo dục, văn hóa phẩm (không mua bán băng đĩa nhạc, hình và sản xuất tại trụ sở Công ty). Chế tạo khuôn mẫu, thiết bị và phụ tùng ngành nhựa. In ấn trên bao bì nhựa, gỗ, giấy (không hoạt động tại trụ sở Công ty). Tái chế phế liệu nhựa, gỗ (không hoạt động tại trụ sở Công ty). Mua bán các loại nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị, vật tư ngành công, nông, ngư nghiệp giao thông vận tải, xây dựng, bưu chính viễn thông, thiết bị giáo dục, văn hóa phẩm. Đại lý ký gửi hàng hóa. Tổ chức hội chợ, triển lãm, kinh doanh dịch vụ quảng cáo, cho thuê bãi đậu xe. Kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp. Dịch vụ tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán), nghiên cứu đào tạo chuyển giao công nghệ mới./.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 92 – 94, Lý Tự Trọng, Phường Bến Thành, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 8 238 011

Fax: (84-8) 8 237 956

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 6 đến trang 28).

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2009.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban giám đốc của Công ty đã điều hành trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 và cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Khắc Long	Chủ tịch
Ông Lê Hoàng	Phó chủ tịch
Ông Đào Duy Kha	Thành viên HĐQT
Bà Cán Thị Thu Hà	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Quốc Nhựt	Thành viên HĐQT

Ban giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Khắc Long	Tổng Giám đốc
Ông Đào Duy Kha	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Hoàng	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 01/11/2009)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán Hùng Vương (HVAC), thành viên của Tập đoàn kiểm toán quốc tế Eura Audit International đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam. HVAC bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 92 – 94, Lý Tự Trọng, Phường Bến Thành, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 8 238 011

Fax: (84-8) 8 237 956

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan.

Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc.



Nguyễn Khắc Long
Tổng giám đốc

Ngày 15 tháng 03 năm 2010

TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam



HVAC

THÀNH VIÊN CỦA TẬP ĐOÀN KIỂM TOÁN QUỐC TẾ EURA AUDIT INTERNATIONAL



Số. 34/2010/KT-HVAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN VIÊN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam

Kính gửi:

- Hội đồng quản trị;
- Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam (gọi tắt là "Công ty"). Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên:

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc từ trang 01 đến trang 03, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Lưu ý với người đọc báo cáo:

Số dư đầu kỳ một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính năm 2009 của Công ty cổ phần nhựa Việt Nam đã được Công ty điều chỉnh theo công văn số: 1898/BTC-TCDN, ngày 09 tháng 02 năm 2010 của Bộ Tài Chính về việc xử lý những vấn đề vướng mắc liên quan đến việc cổ phần hóa Công ty Nhựa Việt Nam.

CÔNG TY KIỂM TOÁN HÙNG VƯƠNG

Trụ sở chính : Số 808, CT5-ĐN2, Mỹ Đình II, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam
Tel: (84-4) 3787 1421 / 3787 1780 * Fax: (84-4) 3787 1422 * Hotline: 0914 375 380
E-mail: contact@hvac.com.vn * Website: www.hvac.com.vn

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên khía cạnh trọng yếu Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009:

- a) Đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày;
- b) Phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.



Nguyễn Quốc Tuấn
Nguyễn Quốc Tuấn
Tổng Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1087/KTV
Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH
KIỂM TOÁN HÙNG VƯƠNG (HVAC)
Hà Nội, Ngày 03 tháng 05 năm 2010

Nguyễn Thị Ái Vân

Nguyễn Thị Ái Vân
Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1227/KTV



MẪU B 01-DN
 Ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
 ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
1	2	3	4	5
A – TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		189.417.086.774	158.294.452.461
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		24.886.746.218	10.471.684.870
1. Tiền	111	5.1	24.886.746.218	10.471.684.870
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		124.138.021.978	121.568.686.661
1. Phải thu khách hàng	131	5.2	77.114.084.575	55.619.676.880
2. Trả trước cho người bán	132	5.3	5.092.707.816	19.939.625.786
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	5.4	42.027.781.348	46.105.935.756
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(96.551.761)	(96.551.761)
IV. Hàng tồn kho	140		28.913.884.051	17.098.580.250
1. Hàng tồn kho	141	5.5	28.913.884.051	17.098.580.250
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		11.478.434.527	9.155.500.680
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	764.755.797	635.609.063
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.657.546.534	6.038.214.098
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	5.7	105.808.551	120.430.659
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.8	4.950.323.645	2.361.246.860

02615
 CÔNG T
 NHIỆM HỮ
 M TOÁ
 NG VƯƠI
 M - TP.

MẪU B 01-DN
 Ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
 ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VNĐ

B – TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		392.520.218.609	351.123.084.436
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		157.950.525.736	162.429.078.982
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	91.459.125.151	98.358.165.297
- Nguyên giá	222		116.977.913.942	114.220.178.302
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(25.518.788.791)	(15.862.013.005)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	34.502.385.135	35.375.546.542
- Nguyên giá	228		37.692.946.536	37.759.310.172
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(3.190.561.401)	(2.383.763.630)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.12	31.989.015.450	28.695.367.143
III. Bất động sản đầu tư	240	5.11	20.511.089.863	21.473.749.224
- Nguyên giá	241		24.495.385.042	24.495.385.042
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		(3.984.295.179)	(3.021.635.818)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		205.339.524.704	158.245.594.574
1. Đầu tư vào công ty con	251	5.13	27.500.247.137	21.808.757.137
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.14	170.181.007.567	136.286.837.437
3. Đầu tư dài hạn khác	258	5.15	7.658.270.000	150.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		8.719.078.306	8.974.661.656
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.16	8.719.078.306	8.974.661.656
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		581.937.305.383	509.417.536.897

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ
 T. T. H. H.
 M. O. I.

MẪU B 01-DN
 Ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
 ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
1	2	3	4	5
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		402.794.956.019	328.769.645.835
I. Nợ ngắn hạn	310		218.187.324.746	147.758.163.994
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.17	163.319.929.838	102.415.691.063
2. Phải trả người bán	312	5.18	30.231.307.804	2.046.398.590
3. Người mua trả tiền trước	313	5.19	3.432.350.385	15.581.220.370
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.20	496.841.805	446.606.081
5. Phải trả người lao động	315		262.421.064	56.281.125
6. Chi phí phải trả	316	5.21	413.560.558	23.453.477
7. Phải trả nội bộ	317		56.358.787	83.487.874
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	5.22	19.974.554.505	26.997.320.671
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	107.704.743
II. Nợ dài hạn	330		184.607.631.273	181.011.481.841
1. Phải trả dài hạn cho người bán	331	5.23	23.688.263.576	39.289.209.529
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.24	160.879.903.421	141.710.147.779
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		39.464.276	12.124.533
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		179.142.349.364	180.647.891.062
I. Vốn chủ sở hữu	410		179.125.256.242	180.325.435.758
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		198.617.465.907	198.617.465.907
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		(14.976.103.074)	(14.976.103.074)
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(10.162.572.080)	(107.321.445)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		275.211.745	275.211.745
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		161.680.492	161.680.492
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		5.209.573.252	(3.645.497.867)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		17.093.122	322.455.304
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		17.093.122	322.455.304
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		581.937.305.383	509.417.536.897

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Ngày 15 tháng 03 năm 2010

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Mỹ Thanh



Nguyễn Khắc Long

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 92 – 94, Lý Tự Trọng, Phường Bến Thành

Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 8 238 011 Fax: (84-8) 8 237 956

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại

ngày 31/12/2009

Mẫu B 02-DN

Ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.25	527.673.428.281	456.104.472.464
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.26	2.573.996.878	525.000.000
3. Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		525.099.431.403	455.579.472.464
4. Giá vốn hàng bán	11	5.27	480.222.502.460	429.528.552.654
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		44.876.928.943	26.050.919.810
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.28	19.121.735.470	38.178.119.398
7. Chi phí tài chính	22	5.29	24.551.553.174	32.742.941.251
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		22.335.911.813	31.104.578.585
8. Chi phí bán hàng	24		2.775.158.154	1.314.352.948
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		26.406.515.460	21.608.082.270
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24+25)}	30		10.265.437.625	8.563.662.739
11. Thu nhập khác	31	5.30	896.315.089	5.277.540.563
12. Chi phí khác	32	5.31	79.412.152	4.783.400.628
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		816.902.937	494.139.935
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		11.082.340.562	9.057.802.674
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		11.082.340.562	9.057.802.674

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Ngày 15 tháng 03 năm 2010

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Mỹ Thanh

Nguyễn Khắc Long



MẪU B 03-DN
 Ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
 ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
1	2	3	4	5
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		543.923.468.366	463.721.464.859
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(294.886.179.499)	(197.152.443.963)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(6.786.745.078)	(3.597.453.035)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(21.720.240.530)	(23.597.350.975)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		-	(63.156.643)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		445.880.084.387	715.128.465.747
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07		(559.028.107.371)	(774.663.874.252)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		107.382.280.275	179.775.651.738
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.776.533.384)	(278.796.194)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		90.909.091	800.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(1.502.671.621)	(5.596.311.600)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.530.939.131	692.652.804
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.657.356.783)	(5.181.654.990)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		223.821.895.985	136.717.833.888
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(315.111.573.840)	(331.130.334.037)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(91.289.677.855)	(194.412.500.149)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		14.435.245.637	(19.818.503.401)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		10.471.684.870	30.290.188.271
Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(20.184.289)	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	5.1	24.886.746.218	10.471.684.870

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Ngày 15 tháng 03 năm 2010

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Mỹ Thanh

Nguyễn Khắc Long



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 92 – 94, Lý Tự Trọng, Phường Bến Thành

Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 8 238 011 Fax: (84-8) 8 237 956

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại
ngày 31/12/2009

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam (dưới đây gọi tắt là: “Công ty”), là doanh nghiệp được chuyển đổi hình thức sở hữu từ doanh nghiệp Nhà nước: Công ty Nhựa Việt Nam, (số Đăng ký kinh doanh: 4106000201 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hồ Chí Minh Cấp ngày 28/06/2006) theo Quyết định số 2575/QĐ-BCN ngày 26 tháng 7 năm 2007 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Nhựa Việt Nam thành Tổng công ty cổ phần Nhựa Việt Nam và quyết định số 4824/QĐ-BCT ngày 4 tháng 9 năm 2008 của Bộ Công thương sửa đổi khoản 1 điều 1 Quyết định số 2575/QĐ-BCN. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số: 4103011383 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 09 năm 2008. Theo đó:

- Tên doanh nghiệp : CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM
- Tên giao dịch : VIETNAM PLASTIC CORPORATION
- Tên viết tắt : VINAPLAS CORP.
- Vốn Điều lệ : 198.000.000.000 đồng (Một trăm chín mươi tám tỷ đồng Việt Nam).
 - + Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng;
 - + Số cổ phần và giá trị cổ phần đã góp: 19.800.000 cổ phần, 198.000.000.000 đồng;
 - + Số cổ phần được quyền chào bán: 0 cổ phần.
- Vốn pháp định : 6.000.000.000 đồng (Sáu tỷ đồng Việt Nam).

Trụ sở hoạt động:

- Địa chỉ : Số 92 - 94, Lý Tự Trọng, Phường Bến Thành, Quận 1
Thành Phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : (84-8) 8 238 011
- Fax : (84-8) 8 237 956
- Mã số thuế : 0 3 0 0 3 8 1 9 6 6

1.2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất, chế biến các sản phẩm từ nhựa, thương mại...

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Sản xuất, mua bán các sản phẩm từ nhựa, gỗ, giấy, phục vụ cho các ngành công, nông, ngư nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng, bưu chính viễn thông, thiết bị giáo dục, văn hóa phẩm (không mua bán băng đĩa nhạc, hình và sản xuất tại trụ sở Công ty). Chế tạo khuôn mẫu, thiết bị và phụ tùng ngành nhựa. In ấn trên bao bì nhựa, gỗ, giấy (không hoạt động tại trụ sở Công ty). Tái chế phế liệu nhựa, gỗ (không hoạt động tại trụ sở Công ty). Mua bán các loại nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị, vật tư ngành công, nông, ngư nghiệp giao thông vận tải, xây dựng, bưu chính viễn thông, thiết bị giáo dục, văn hóa phẩm. Đại lý ký gửi hàng hóa.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 92 – 94, Lý Tự Trọng, Phường Bến Thành

Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 8 238 011 Fax: (84-8) 8 237 956

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại

ngày 31/12/2009

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Tổ chức hội chợ, triển lãm, kinh doanh dịch vụ quảng cáo, cho thuê bãi đậu xe. Kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp. Dịch vụ tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán), nghiên cứu đào tạo chuyển giao công nghệ mới./.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VNĐ), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật Kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và chuẩn mực kế toán số 01 - Chuẩn mực chung

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

3.3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ kế toán trên máy vi tính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG CHỦ YẾU

4.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 92 – 94, Lý Tự Trọng, Phường Bến Thành

Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 8 238 011 Fax: (84-8) 8 237 956

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại
ngày 31/12/2009

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4.3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4.4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo giá ghi trên hoá đơn, chứng từ.

Lập dự phòng phải thu khó đòi: khi xác định khoản phải thu là không chắc chắn thu được (nợ phải thu khó đòi) thì phải lập dự phòng nợ phải thu khó đòi mà không ghi giảm doanh thu. Các khoản nợ phải thu khó đòi khi xác định thực sự là không đòi được thì được bù đắp bằng nguồn dự phòng nợ phải thu khó đòi.

4.5. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau khi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thoả mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xoá sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

	Năm sử dụng
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 50
Máy móc và thiết bị	3 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 8

4.6. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 92 – 94, Lý Tự Trọng, Phường Bến Thành

Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 8 238 011 Fax: (84-8) 8 237 956

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại

ngày 31/12/2009

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

4.7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được vốn hoá khi có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán. Các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.8. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao tương ứng với thời gian sử dụng.

4.9. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

4.10. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hoá đơn, chứng từ.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 92 – 94, Lý Tự Trọng, Phường Bến Thành

Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 8 238 011 Fax: (84-8) 8 237 956

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại

ngày 31/12/2009

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4.11. Chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn, chi phí bảo hành sản phẩm, trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

Việc trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được căn cứ vào kế hoạch chi phí sửa chữa tài sản cố định. Nếu chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định thực tế cao hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán toàn bộ hoặc phân bổ dần vào chi phí trong thời gian tối đa là 3 năm. Nếu chi phí sửa chữa lớn thực tế nhỏ hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán giảm chi phí trong kỳ.

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 1% - 3% tổng quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong năm. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

4.12. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng tại ngày kết thúc năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả do mục đích báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

4.13. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá của Ngân hàng thương mại Việt Nam tại ngày phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong năm tài chính.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng tại ngày cuối kỳ và được ghi nhận như sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

- Đối với chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc đánh giá lại số dư cuối năm là: tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn (1 năm trở xuống) có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính thì không hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập mà để số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xóa số dư.
- Đối với chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản công nợ dài hạn (trên 1 năm) có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính thì ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí tài chính trong năm.

4.14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hoá đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều năm tài chính thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính/cuối kỳ.

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận là lãi tiền gửi ngân hàng, lãi thu trên khoản phải thu từ khách hàng do thanh toán chậm so với thời hạn thanh toán và các khoản thu khác từ hoạt động tài chính.

4.15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2009	01/01/2009
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt tại quỹ	3.615.352.692	603.460.157
Tiền gửi ngân hàng (VND)	20.786.611.818	9.519.386.986
Tiền gửi ngân hàng (USD)	484.781.708	348.837.727
Cộng	<u>24.886.746.218</u>	<u>10.471.684.870</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM
 Địa chỉ: Số 92 – 94, Lý Tự Trọng, Phường Bến Thành
 Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
 Điện thoại: (84-8) 8 238 011 Fax: (84-8) 8 237 956

Báo cáo tài chính
 Cho năm tài chính kết thúc tại
 ngày 31/12/2009

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5.2. Phải thu khách hàng

	31/12/2009	01/01/2009
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Hùng Sáng	159.475.387	359.475.387
Công ty TNHH Bao Bì Nhựa Tiến Phát	1.208.243.360	-
Công ty Cổ phần XNK Nam Thái Sơn	342.357.440	-
Công ty TNHH Nhựa Tú Cường	1.531.349.783	564.920.248
Doanh nghiệp tư nhân Minh Tiến	404.000.000	-
Công ty Cổ phần Bao Bì Tín Thành	392.230.701	87.250.000
Công ty TNHH SX & TM Tam Sao	1.533.946.000	-
Công ty TNHH SX TM DV Tân Thuận Tiến	688.741.500	-
Công ty TNHH VN J.S Plastic Packag	971.557.915	-
Công ty Liên doanh Việt Thái PLASTCHEM	665.113.164	93.041.147
Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn	30.615.675.412	24.550.097.818
Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú	1.774.878.427	220.525.035
Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long	3.850.976.186	7.555.103.114
Công ty Cổ phần Nhựa Bắc Giang	371.353.434	-
Công ty Cổ phần Nhựa Việt Phước	1.866.058.488	5.970.108.962
Công ty Cổ phần TM XNK Phương Quang	938.993.471	-
Công ty Cổ phần Bao Bì Nhựa Tân Tiến	3.460.700.994	-
Công ty Cổ phần Bao Bì Nhựa Sài Gòn	1.675.494.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Nam	2.724.522.000	-
Công ty TNHH Tài Tâm	2.763.709.034	-
Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long	4.578.344.201	-
WOOLIM VINA CORPORATION CO.,LTD	327.305.000	327.305.000
Công ty TNHH SXTM Hồng Cơ	326.835.000	386.835.000
Công ty TNHH MAXTAP	948.300.000	1.038.300.000
Công ty TNHH TM-DV Vinh Hồng Hưng	1.323.913.436	-
Công ty TNHH BB Nhựa Khang Phát	407.796.480	-
Công ty CP BB Thủy Sản	327.000.000	-
Công ty CP Nhựa Tân Phú	2.682.355.748	-
Công ty CP Nhựa Vân Đồn	109.668.113	1.299.999.298
Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long	2.561.021.600	10.080.252.124
Công ty TNHH Bao bì Thăng Long	790.951.502	1.160.943.197
Công ty TNHH SX&TM Nhựa Việt Quang	1.689.450.000	-
Các đối tượng khác	3.101.766.799	1.925.520.550
Cộng	<u>77.114.084.575</u>	<u>55.619.676.880</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 92 – 94, Lý Tự Trọng, Phường Bến Thành

Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 8 238 011 Fax: (84-8) 8 237 956

Báo cáo tài chínhCho năm tài chính kết thúc tại
ngày 31/12/2009**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****Mẫu B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***5.3. Trả trước người bán**

	31/12/2009	01/01/2009
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Công ty quản lý kinh doanh Nhà	144.056.141	144.056.141
Công ty TNHH T. Thông & DVDN Việt Nam	150.000.000	150.000.000
Công ty 59 Bộ Quốc Phòng	-	16.298.328.370
Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất công nghiệp	-	2.070.000.000
Công ty Cổ phần tư vấn kinh doanh Địa ốc Sài Gòn	300.000.000	300.000.000
THAI PLASTIC CHEMICAL CO., LTD	3.652.428.780	-
Công ty TNHH Việt Phương - Dũng Phát	610.999.175	610.999.175
Các đối tượng khác	235.223.720	366.242.100
Cộng	<u>5.092.707.816</u>	<u>19.939.625.786</u>

5.4. Các khoản phải thu khác

	31/12/2009	01/01/2009
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Phải thu về cổ phần hóa	400.577.398	400.577.398
Phải thu khác	41.627.203.950	45.705.358.358
- Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn	677.241.000	-
- Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú	88.740.000	443.700.000
- Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long	1.373.944.000	790.000.000
- Công ty Cổ phần Nhựa Bắc Giang	301.829.010	349.572.010
- Công ty Cổ phần Nhựa YOUL CHON VINA	213.072.000	3.392.187.545
- Bộ Tài Chính	8.797.082.100	10.113.625.000
- Công ty cổ phần nhựa Thăng Long	-	1.289.288.706
- Công ty Liên doanh TPC Vina	28.055.594.652	-
- Các đối tượng khác	2.119.701.188	29.326.985.097
Cộng	<u>42.027.781.348</u>	<u>46.105.935.756</u>

5.5. Hàng tồn kho

	31/12/2009	01/01/2009
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Hàng đang đi đường	1.481.512	-
Nguyên liệu, vật liệu	2.042.870	37.259.533
Công cụ, dụng cụ	1.626.109	43.393.999
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	154.200.349	28.026.693
Hàng hóa	28.754.533.211	16.989.900.025
Cộng	<u>28.913.884.051</u>	<u>17.098.580.250</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5.6. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2009	01/01/2009
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí nhà 300B NTT	145.979.273	145.979.273
Phí dảm định dây chuyền PP	76.410.000	76.410.000
Lãi tiền vay	35.636.364	35.636.364
Chi phí cho thuê nhà 92-94	127.477.980	96.123.780
Xưởng sản xuất dây dai PET	177.146.951	177.146.951
Công cụ dụng cụ , chi phí trả trước ngắn hạn khác	202.105.229	104.312.695
Cộng	<u>764.755.797</u>	<u>635.609.063</u>

5.7. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	31/12/2009	01/01/2009
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế TNDN nộp thừa	98.088.540	101.040.445
Các khoản phải thu Nhà Nước khác	-	19.390.214
Thuế TNCN	1.380.451	-
Các loại thuế khác	6.339.560	-
Cộng	<u>105.808.551</u>	<u>120.430.659</u>

5.8. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2009	01/01/2009
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tạm ứng	1.719.531.903	964.819.342
Thẻ chấp, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	3.218.570.418	1.396.427.518
Tài sản thiếu chờ xử lý	12.221.324	-
Cộng	<u>4.950.323.645</u>	<u>2.361.246.860</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 92 - 94, Lý Tự Trọng, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
 Điện thoại: (84-8) 8 238 011 Fax: (84-8) 8 237 956

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Báo cáo tài chính
 Cho năm tài chính kết thúc tại
 ngày 31/12/2009
Mẫu B09-DN

5.9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ TSCĐ HỮU HÌNH					
Tại ngày 01/01/2009	5.936.269.749	105.094.234.176	2.275.761.526	913.912.851	114.220.178.302
Tăng trong năm	782.013.637	44.929.520	1.586.848.142	399.458.913	2.813.250.212
- Mua trong năm	-	-	1.586.848.142	399.458.913	1.986.307.055
- Đầu tư XD CB hoàn thành	782.013.637	44.929.520	-	-	826.943.157
Giảm trong năm	-	-	42.046.000	13.468.572	55.514.572
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	42.046.000	-	42.046.000
- Giảm khác	-	-	-	13.468.572	13.468.572
Tại ngày 31/12/2009	6.718.283.386	105.139.163.696	3.820.563.668	1.299.903.192	116.977.913.942
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2009	2.891.444.041	11.373.348.235	1.083.509.151	513.711.578	15.862.013.005
Tăng trong năm	309.113.065	8.781.222.899	431.428.983	178.179.220	9.699.944.167
- Số khấu hao trong năm	309.113.065	8.781.222.899	431.428.983	178.179.220	9.699.944.167
Giảm trong năm	-	-	42.046.000	1.122.381	43.168.381
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	42.046.000	-	42.046.000
- Giảm khác	-	-	-	1.122.381	1.122.381
Tại ngày 31/12/2009	3.200.557.106	20.154.571.134	1.472.892.134	690.768.417	25.518.788.791
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2009	3.044.825.708	93.720.885.941	1.192.252.375	400.201.273	98.358.165.297
Tại ngày 31/12/2009	3.517.726.280	84.984.592.562	2.347.671.534	609.134.775	91.459.125.151

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM
 Địa chỉ: Số 92 – 94, Lý Tự Trọng, Phường Bến Thành
 Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
 Điện thoại: (84-8) 8 238 011 Fax: (84-8) 8 237 956

Báo cáo tài chính
 Cho năm tài chính kết thúc tại
 ngày 31/12/2009

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5.10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VNĐ	Chi phí đầu tư phát triển VNĐ	Tổng cộng VNĐ
NGUYÊN GIÁ TSCĐ VÔ HÌNH			
Tại ngày 01/01/2009	37.759.310.172	-	37.759.310.172
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	66.363.636	-	66.363.636
- Giảm khác	66.363.636	-	66.363.636
Tại ngày 31/12/2009	<u>37.692.946.536</u>	-	<u>37.692.946.536</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2009	2.383.763.630	-	2.383.763.630
Tăng trong năm	806.797.771	-	806.797.771
- Số khấu hao trong năm	806.797.771	-	806.797.771
Giảm trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/12/2009	<u>3.190.561.401</u>	-	<u>3.190.561.401</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2009	<u>35.375.546.542</u>	-	<u>35.375.546.542</u>
Tại ngày 31/12/2009	<u>34.502.385.135</u>	-	<u>34.502.385.135</u>

5.11. Bất động sản đầu tư

	Số đầu năm VNĐ	Tăng trong năm VNĐ	Số cuối năm VNĐ
Nguyên giá	<u>24.495.385.042</u>	-	<u>24.495.385.042</u>
- Quyền sử dụng đất	-	-	-
- Nhà cửa	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	24.495.385.042	-	24.495.385.042
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	<u>3.021.635.818</u>	<u>962.659.361</u>	<u>3.984.295.179</u>
- Quyền sử dụng đất	-	-	-
- Nhà cửa	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	3.021.635.818	962.659.361	3.984.295.179
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-
Giá trị còn lại	<u>21.473.749.224</u>	<u>(962.659.361)</u>	<u>20.511.089.863</u>
- Quyền sử dụng đất	-	-	-
- Nhà cửa	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	21.473.749.224	(962.659.361)	20.511.089.863
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 92 – 94, Lý Tự Trọng, Phường Bến Thành

Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 8 238 011 Fax: (84-8) 8 237 956

Báo cáo tài chínhCho năm tài chính kết thúc tại
ngày 31/12/2009**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****Mẫu B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***5.12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2009	01/01/2009
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tổng số chi phí xây dựng cơ bản dở dang:	31.989.015.450	28.695.367.143
<i>Trong đó:</i>		
Dự án BOPP	-	1.282.972.799
Nhà 39A Ngô Quyền - Hà Nội	31.989.015.450	26.781.371.440
Đất Hưng Yên	-	580.689.080
Các Công trình khác	-	50.333.824
Cộng	<u>31.989.015.450</u>	<u>28.695.367.143</u>

5.13. Đầu tư vào Công ty con

	31/12/2009	01/01/2009
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long	5.912.450.969	5.912.450.969
Công ty Cổ phần Nhựa Bắc Giang	1.696.306.168	1.696.306.168
Công ty Cổ Nhựa Việt Phước	19.891.490.000	14.200.000.000
Cộng	<u>27.500.247.137</u>	<u>21.808.757.137</u>

5.14. Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh

	31/12/2009	01/01/2009
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Liên doanh Việt Thái Plastchem	19.049.246.681	15.490.745.651
Công ty Liên doanh TPC Vina	73.407.697.500	66.893.850.000
Công ty TNHH Mì ăn liền Mesa	5.525.920.000	5.525.920.000
Công ty TNHH Ô tô chuyên dùng Hiệp Hòa	14.665.238.000	14.665.238.000
Công ty cổ phần Nhựa Vân Đồn	7.315.535.665	7.315.535.665
Công ty cổ phần Nhựa Tân Phú	7.209.369.721	6.100.119.721
Công ty Cổ phần YOULCHON VINA	43.008.000.000	20.295.428.400
Cộng	<u>170.181.007.567</u>	<u>136.286.837.437</u>

5.15. Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2009	01/01/2009
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần YOULCHON VINA	6.948.000.000	-
Đầu tư dài hạn khác	710.270.000	150.000.000
Cộng	<u>7.658.270.000</u>	<u>150.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 92 – 94, Lý Tự Trọng, Phường Bến Thành

Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 8 238 011 Fax: (84-8) 8 237 956

Báo cáo tài chínhCho năm tài chính kết thúc tại
ngày 31/12/2009**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****Mẫu B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***5.16. Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2009	01/01/2009
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền thuê đất Mỹ Phước	7.998.609.840	8.206.973.476
Chi phí nhà xưởng Tiên Sơn	83.308.000	83.308.000
Chi phí sửa chữa Showroom	101.094.000	101.094.000
Chi phí công cụ dụng cụ và trả trước dài hạn khác	536.066.466	583.286.180
Cộng	<u>8.719.078.306</u>	<u>8.974.661.656</u>

5.17. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2009	01/01/2009
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Vay ngắn hạn	163.319.929.838	102.415.691.063
- Ngân hàng No&PTNT Chi nhánh Q.4	-	12.711.091.653
- Ngân hàng No&PTNT Sài Gòn	36.515.000.000	44.998.469.520
- Ngân hàng Liên doanh Lào Việt	-	5.107.696.487
- Ngân hàng ACB Bình Tây	13.075.000.000	18.668.000.000
- Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín	3.810.170.537	4.567.922.241
- Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam - CN Hà Nội	-	5.828.238.054
- Ngân hàng No&PTNT TP.HCM	11.979.515.928	9.169.170.224
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương tín	94.576.200.136	-
- Vay các cá nhân	3.364.043.237	1.365.102.884
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
Cộng	<u>163.319.929.838</u>	<u>102.415.691.063</u>

5.18. Phải trả người bán

	31/12/2009	01/01/2009
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tổng Công ty Đá quý & Vàng	129.700.000	129.700.000
Công ty TNHH TM & DV Hợp Tiến	-	213.600.000
Công ty Liên doanh Việt Thái PLASTCHEM	1.893.810.683	774.012.580
Công ty Cổ phần Nhựa Việt Phước	177.500.000	-
Công ty Cổ phần YOULCHON VINA	24.516.147.931	-
ITOCHU PLASTICỒ phầnTE LTD	-	233.820.675
Công ty CP TM-DV Tân Phú	2.877.125.550	-
Công ty Cổ phần Nhựa TNTP Hải Phòng	435.082.955	435.082.955
Các đối tượng khác	201.940.685	260.182.380
Cộng	<u>30.231.307.804</u>	<u>2.046.398.590</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM
 Địa chỉ: Số 92 – 94, Lý Tự Trọng, Phường Bến Thành
 Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
 Điện thoại: (84-8) 8 238 011 Fax: (84-8) 8 237 956

Báo cáo tài chính
 Cho năm tài chính kết thúc
 ngày 31/12/2009
Mẫu B09-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5.19. Người mua trả tiền trước

	31/12/2009	01/01/2009
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh nghiệp tư nhân Hoàng Nhất Thịnh	202.000.000	125.000.000
Doanh nghiệp tư nhân SX - TM Trung Sơn	172.657.440	
Công ty Cổ phần YOULCHON VINA	2.417.218.957	
Công ty TNHH MESA	-	3.635.000.000
Công ty TM & TB mới Trương Hiệp Hòa	-	10.999.000.000
Doanh nghiệp tư nhân SX & TM Thiên Kim	-	261.000.000
LIM - MENG SRENG CO., LTD	483.509.950	
Công ty TNHH DL & LH Holiday Việt Nam	-	240.964.220
Các đối tượng khác	156.964.038	320.256.140
Cộng	<u>3.432.350.385</u>	<u>15.581.220.370</u>

5.20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2009	01/01/2009
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế GTGT phải nộp	75.450.435	84.597.040
Thuế xuất, nhập khẩu	99.899.659	45.736.960
Thuế thu nhập doanh nghiệp	24.976.963	38.881.960
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	271.089.000	251.669.000
Các loại thuế khác	25.425.748	25.721.109
Cộng	<u>496.841.805</u>	<u>446.606.081</u>

Lưu ý: - Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo Tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.
 - Công ty đã quyết toán thuế đến thời điểm 30/09/2008.

5.21. Chi phí phải trả

	31/12/2009	01/01/2009
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trích trước chi phí gia công sợi PP	80.056.777	-
Chi phí thuê kho Công ty	320.000.000	-
Tiền lãi vay phải trả Công ty Nhựa Việt Nam tính đến 31/12/2008	13.503.781	16.482.477
Trích trước tiền chế độ phép năm	-	6.971.000
Cộng	<u>413.560.558</u>	<u>23.453.477</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 92 – 94, Lý Tự Trọng, Phường Bến Thành

Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 8 238 011 Fax: (84-8) 8 237 956

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại

ngày 31/12/2009

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**Mẫu B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***5.22. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	31/12/2009	01/01/2009
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Kinh phí công đoàn	162.686.457	132.225.225
Bảo hiểm xã hội, BHYT	16.175.383	41.225.370
Phải trả về cổ phần hóa	10.764.590.376	10.764.590.376
Doanh thu chưa thực hiện	7.594.797.554	9.993.654.950
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	1.436.304.735	6.065.624.750
Cộng	<u>19.974.554.505</u>	<u>26.997.320.671</u>

5.23. Phải trả dài hạn người bán

	31/12/2009	01/01/2009
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty SFECO	23.688.263.576	39.289.209.529
Cộng	<u>23.688.263.576</u>	<u>39.289.209.529</u>

5.24. Vay và nợ dài hạn

	31/12/2009	01/01/2009
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Vay dài hạn	160.879.903.421	141.710.147.779
- Ngân hàng ĐT&PT - CN Hà Nội	9.500.000.000	14.000.000.000
- Ngân hàng Phát triển TP.HCM - SGD II	105.083.336.806	78.742.547.873
- Ngân hàng Á Châu - CN Bình Tây	27.000.000.000	40.665.713.291
- Quỹ hỗ trợ Bắc Ninh - CN NH PT Bắc Ninh	3.108.600.000	5.508.600.000
- Quỹ Đầu tư phát triển Đô thị TP.HCM	1.301.952.000	2.541.272.000
- Ngân hàng Công Thương Việt Nam	252.014.615	252.014.615
- Công ty MESA	3.635.000.000	-
- Công ty Hiệp Hòa	10.999.000.000	-
Nợ dài hạn	-	-
Cộng	<u>160.879.903.421</u>	<u>141.710.147.779</u>

5.25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2009	Năm 2008
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm dịch vụ đã cung cấp	527.673.428.281	456.104.472.464
Cộng	<u>527.673.428.281</u>	<u>456.104.472.464</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5.26. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2009	Năm 2008
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Hàng bán bị trả lại	2.573.996.878	525.000.000
Cộng	<u>2.573.996.878</u>	<u>525.000.000</u>

5.27. Giá vốn hàng bán

	Năm 2009	Năm 2008
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	480.222.502.460	429.528.552.654
Cộng	<u>480.222.502.460</u>	<u>429.528.552.654</u>

5.28. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2009	Năm 2008
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.527.868.798	8.110.702.958
Cổ tức lợi nhuận được chia	11.910.343.530	22.608.394.780
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	342.607.596	483.998.809
Doanh thu hoạt động tài chính khác	340.915.546	6.975.022.851
Cộng	<u>19.121.735.470</u>	<u>38.178.119.398</u>

5.29. Chi phí tài chính

	Năm 2009	Năm 2008
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí lãi vay	21.750.284.106	31.698.910.787
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	786.579.524	890.407.488
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.000.000.000	-
Chi phí tài chính khác	1.014.689.544	153.622.976
Cộng	<u>24.551.553.174</u>	<u>32.742.941.251</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM
 Địa chỉ: Số 92 – 94, Lý Tự Trọng, Phường Bến Thành
 Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
 Điện thoại: (84-8) 8 238 011 Fax: (84-8) 8 237 956

Báo cáo tài chính
 Cho năm tài chính kết thúc tại
 ngày 31/12/2009

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5.30. Thu nhập khác

	Năm 2009 <u>VNĐ</u>	Năm 2008 <u>VNĐ</u>
Thanh lý TSCĐ	90.909.091	636.121.659
Xây dựng cơ bản	-	214.585.877
K/C góp vốn bằng tiền chi hộ tiền thuế	-	3.108.288.000
K/C tiền được bồi thường do Công ty TNHH DL & LH Holiday Việt Nam chấm dứt hợp đồng thuê nhà sớm	404.294.000	-
Thu nhập khác	401.111.998	1.318.545.027
Cộng	<u>896.315.089</u>	<u>5.277.540.563</u>

5.31. Chi phí khác

	Năm 2009 <u>VNĐ</u>	Năm 2008 <u>VNĐ</u>
Chi phí thanh lý TSCĐ	-	449.437.843
Kết chuyển tiền thuế 20000m2 đất	-	3.123.325.333
Chi phí dịch vụ pháp lý (khởi kiện, án phí...)	45.231.627	-
Chi phí khác	34.180.525	1.210.637.452
Cộng	<u>79.412.152</u>	<u>4.783.400.628</u>

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1. Các sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 92 - 94, Lý Tự Trọng, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
 Điện thoại: (84-8) 8 238 011 Fax: (84-8) 8 237 956

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6.2. Thông tin so sánh

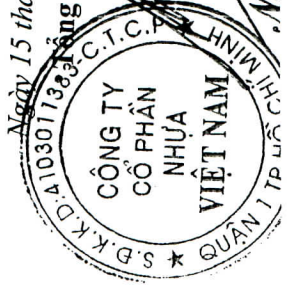
Số liệu so sánh được lấy theo báo cáo tài chính năm 2008 và đã được thay đổi theo Hồ sơ đề nghị xác định giá trị doanh nghiệp lần 2 ngày 30/9/2008. Số liệu so sánh và những ảnh hưởng của chúng đến các thông tin khác trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 có thể bị thay đổi tùy thuộc vào phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền đối với Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp nêu trên. Các thay đổi cụ thể được trình bày dưới đây ảnh hưởng bởi Hồ sơ đề nghị xác định giá trị doanh nghiệp lần 2 tại ngày 30/9/2008 đang chờ được phê duyệt:

Khoản mục	Mã số	Tại ngày 01/01/2009	Tại ngày 31/12/2008	Chênh lệch	Lý do
Phải thu của khách hàng	131	55.619.676.880	55.604.075.918	15.600.962	Lãi phải thu Công ty Bao bì Thăng Long năm 2007
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	-	8.399.799.322	(8.399.799.322)	Bù trừ công nợ nội bộ
Các khoản phải thu khác	135	46.105.935.756	18.050.341.104	28.055.594.652	Theo Công văn của BTC về xử lý lãi tại TPC Vina
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	635.609.063	621.114.063	14.495.000	Phân loại lại
Đầu tư vào công ty con	251	21.808.757.137	21.061.553.669	747.203.468	Đánh giá lại khoản đầu tư dài hạn tại 30/9/2008
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	136.286.837.437	172.993.343.979	(36.706.506.542)	Đánh giá lại khoản đầu tư dài hạn tại 30/9/2008
Chi phí trả trước dài hạn	261	8.974.661.656	8.989.156.656	(14.495.000)	Phân loại lại
Vay và nợ ngắn hạn	311	102.415.691.063	102.348.637.060	67.054.003	Điều chỉnh biên bản kiểm toán năm 2006
Phải trả nội bộ	317	83.487.874	8.483.287.196	(8.399.799.322)	Bù trừ công nợ nội bộ
Phải trả dài hạn người bán	331	39.289.209.529	34.203.201.578	5.086.007.951	Đánh giá lại chênh lệch tỷ giá tại 30/9/2008
Vay và nợ dài hạn	334	141.710.147.779	130.053.712.283	11.656.435.496	Đánh giá lại chênh lệch tỷ giá tại 30/9/2008
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	12.124.533	2.313.225	9.811.308	Điều chỉnh biên bản kiểm toán năm 2007
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415	(14.976.103.074)	-	(14.976.103.074)	Ảnh hưởng đánh giá lại tại 30/9/2008
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	(107.321.445)	-	(107.321.445)	Điều chỉnh bút toán kết chuyển tại XN TMDV1
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	(3.645.497.867)	5.978.493.832	(9.623.991.699)	Ảnh hưởng của các thay đổi trên và phân phối lại LN
Doanh thu hoạt động tài chính	21	38.178.119.398	31.203.920.547	6.974.198.851	Theo Công văn của BTC về xử lý lãi tại TPC Vina

Người lập biểu**Kế toán trưởng**

Ngày 15 tháng 03 năm 2010

Kế toán trưởng Giám đốc



Nguyễn Thị Mỹ Thanh

Nguyễn Văn Minh Giám đốc